

Số: 45/2023/QĐST-HNGĐ

H, ngày 18 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và mục 2 phần B danh mục lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, về việc: “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”. Đối với người yêu cầu:

- Anh Nguyễn Đức H- sinh năm 1980

- Chị Ngô Thị Thu P- sinh năm 1982

Cùng ĐKKHTT và chỗ ở: Tổ 3 Bàng A, phường H, quận H, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Anh Nguyễn Đức H và chị Ngô Thị Thu P kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/6/2006 tại UBND phường H, quận H, thành phố H, theo giấy CNKH số 64/2006 ngày 16/6/2006. Đây là lần kết hôn thứ nhất của anh chị. Trong quá trình chung sống, cuộc sống của vợ chồng diễn ra bình thường đến tháng 9/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh, chị cũng đã có những biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kể từ tháng 3/2022. Anh H và Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên cùng làm đơn thuận tình ly hôn, đồng thời thống nhất được toàn bộ nội dung yêu cầu như trong đơn khởi kiện.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 10 tháng 01 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Đức H và chị Ngô Thị Thu P

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh H và chị P cùng xác nhận có 02 con chung là Nguyễn Hoàng Phương N- Sinh ngày 30/10/2007 và Nguyễn Đức Anh K- sinh ngày 07/8/2014. Anh, chị thỏa thuận giao hai con chung Nguyễn Hoàng Phương N và Nguyễn Đức Anh K cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/2con/1 tháng (mỗi con 7.500.000 đồng/tháng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2023 cho đến khi con đủ tuổi thành niên hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác.

Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản chung của vợ chồng (bao gồm bất động sản + động sản): Anh H, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về các khoản nợ chung: Anh H, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh H tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) Anh H đã nộp theo biên lai số 0003102 ngày 05/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H. Anh H đã nộp đủ tiền lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường H, quận H, H (ĐKKH số 64 ngày 16/6/2006);
- Chi cục THA dân sự quận H;
- TAND thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu Văn phòng

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng T